

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH MIỆN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **198** /QĐ-UBND

Thanh Miện, ngày **17** tháng **4** năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Hồng Phong,
huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương đến năm 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính
quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một
số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính
phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số
72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số
điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định,
phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06
tháng 5 năm 2015 Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ
trưởng Bộ xây dựng Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng
vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây
dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 3815/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2021 của
UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng
huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết
định số 109/QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2023 của UBND tỉnh Hải Dương về
việc phê duyệt điều chỉnh phân bổ chỉ tiêu một số loại đất cấp huyện đến năm 2030
và phân kỳ thực hiện giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 15/2022/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2022 của
UBND tỉnh Hải Dương ban hành Quy định một số nội dung về quản lý quy hoạch
xây dựng trên địa bàn tỉnh Hải Dương; Quyết định số 28/2022/QĐ-UBND ngày 23
tháng 8 năm 2023 của UBND tỉnh Hải Dương sửa đổi, bổ sung Điều 4 của Quy định
một số nội dung về quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Hải Dương ban
hành kèm theo Quyết định số 15/2022/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2022 của
UBND tỉnh Hải Dương;



Theo đề nghị của liên ngành Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tại Tờ trình số 13/TTr-KT&HT-TN&MT-NN&PTNT ngày 28 tháng 3 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Hồng Phong, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương đến năm 2030, với những nội dung chính như sau:

1. Tên đồ án, vị trí, phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch

1.1. Tên đồ án: Quy hoạch chung xây dựng xã Hồng Phong, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương đến năm 2030.

1.2. Vị trí, phạm vi ranh giới quy hoạch

Xã Hồng Phong nằm ở phía Nam huyện Thanh Miện, phạm vi nghiên cứu quy hoạch gồm toàn bộ diện tích tự nhiên của xã Hồng Phong, ranh giới có tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc giáp xã Chi Lăng Nam và xã Thanh Giang;
- Phía Nam giáp sông Luộc;
- Phía Đông giáp xã Văn Giang, huyện Ninh Giang;
- Phía Tây giáp huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên.

1.3. Quy mô lập quy hoạch: Khoảng 666,96ha.

2. Mục tiêu quy hoạch, tính chất, chức năng của xã

2.1. Mục tiêu

- Cụ thể hóa Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thanh Miện đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; làm công cụ quản lý phát triển, kiểm soát không gian toàn xã; quản lý việc lập các dự án quy hoạch, chương trình đầu tư; quản lý và phát triển các khu dân cư nông thôn, các khu vực phát triển công nghiệp, dịch vụ,...;

- Xây dựng xã Hồng Phong đạt tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu;

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch chuyên ngành trong đồ án quy hoạch chung xây dựng xã đến năm 2030. Xác lập quỹ đất ở, quỹ đất xây dựng công trình công cộng và quỹ đất về hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo sử dụng đất có hiệu quả; gắn kết giữa hoạt động sản xuất, bảo vệ môi trường và an ninh quốc phòng;

- Gắn kết chặt chẽ với Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, các chương trình, dự án khác đang triển khai trên địa bàn và gắn với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

- Tạo liên kết vùng, thúc đẩy phát triển kinh tế, nâng cao chất lượng sống Nhân dân, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

2.2. Tính chất, chức năng của xã

Xã Hồng Phong có quỹ đất nông nghiệp lớn, giao thông đường thủy thuận lợi, phù hợp cho phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, ứng dụng công nghệ cao và phát triển bền vững gắn với thương mại, dịch vụ.

3. Quy mô dân số, lao động và các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu

3.1. Quy mô dân số, lao động

- Dân số năm 2022 là 7.853 người; dự báo quy mô dân số đến năm 2030 khoảng 8.927 người (bao gồm tăng dân số tự nhiên và cơ học).

- Lao động dự báo đến năm 2030 là 5.356 người.

3.2. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu

Áp dụng chỉ tiêu về quy hoạch xây dựng nông thôn theo QCVN 01:2021/BXD, kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và các quy định hiện hành khác có liên quan.

4. Phân khu chức năng

4.1. Quy hoạch khu dân cư mới và cải tạo thôn, xóm

- Bố trí quỹ đất điểm dân cư mới đến năm 2030 có diện tích 4,35ha. Hầu hết các khu ở mới này nằm dọc theo trục đường xã, tiếp giáp với khu dân cư hiện hữu tạo thành các khu dân cư tập trung, thuận lợi cho việc triển khai đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ.

- Khu dân cư hiện hữu giữ nguyên theo hiện trạng. Xử lý đất dôi dư từ năm 2016 đến năm 2023 là 0,517ha; đất dôi dư từ năm 2023 đến năm 2030 là 0,3396ha; đất xin chuyển mục đích đất vườn, ao trong giấy chứng nhận sang làm đất ở là 2,4081ha; đất cấp trái thẩm quyền là 1,2778ha. Việc chuyển mục đích sử dụng đất sẽ được xem xét cụ thể từng vị trí đảm bảo phù hợp với chỉ tiêu đất được phân bổ; phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy định có liên quan.

Bảng 1: Quy hoạch đất ở mới đến năm 2030

STT	Thôn	Vị trí	Đến năm 2025 (ha)	Đến năm 2030 (ha)	Kí hiệu
1	An Phong	Giáp hành lang Đê tả Sông Luộc	0,75	0,75	OQH-1
2	Tiên Động	Giáp Chợ mới	0,70	0,70	OQH-2
3	My Động 2	Giáp Trường mầm non	0,08	0,08	OQH-3
4	Tiên Động	Phía sau Nhà máy nước sạch Tiên Phong	2,82	2,82	OQH-4

4.2. Quy hoạch hệ thống hạ tầng xã hội khu trung tâm xã

Khu trung tâm xã diện tích 8,87ha, được quy hoạch phát triển mở rộng từ vùng hiện có, vị trí dọc theo đường trục xã.

Bảng 2: Quy hoạch công trình công cộng khu trung tâm xã

STT	Mục đích sử dụng đất	Ký hiệu	Hiện trạng (ha)	Đến năm 2025 (ha)	Đến năm 2030 (ha)
1	Trụ sở ĐU-HĐND-UBND xã	CQ-1	0,42	0,60	0,60
		CQ-1.1			
		CQ-2	0,26	0,26	0,26
2	Sân thể thao trung tâm xã	DTT-2	0,83	0,83	0,83
3	Trạm Y tế	YT-1	0,21	0,09	0,14
		YT-1.1			
4	Trường Mầm non	GD-3.1	0,61	0,61	0,61
		GD-3.2	0,38	0,38	0,38
		-	0,06	-	-
5	Trường Tiểu học	GD-2.1	0,62	0,62	0,62
		GD-2.2	0,56	0,56	0,56
6	Trường THCS	GD-1.1	0,66	0,66	0,66
		GD-1.2	0,72	0,72	0,72
7	Nghĩa trang liệt sỹ	NT-18	0,22	0,22	0,22
		NT-19	0,13	0,13	0,13
8	Trụ sở công an xã	AN-1	-	0,35	0,35
9	Chợ Ba Hàng	CH-2	0,07	0,07	0,07
10	Chợ Tiên Phong	CH-1	0,50	0,50	0,50
11	Bưu điện xã	BĐ-1	0,03	0,03	0,03
		BĐ-2	0,01	0,01	0,01

4.3. Khu vực phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp

Tổng diện tích đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đến năm 2030 là 1,71ha, trong đó quy hoạch mở rộng Nhà máy nước sạch Tiên Phong về phía Tây, điểm còn lại giữ nguyên hiện trạng.

Bảng 3: Quy hoạch khu vực phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp

STT	Mục đích sử dụng đất	Vị trí	Đến năm 2025 (ha)	Đến năm 2030 (ha)	Kí hiệu
1	Điểm công nghiệp	Thôn	0,57	1,34	CN-1

STT	Mục đích sử dụng đất	Vị trí	Diện năm 2025 (ha)	Diện năm 2030 (ha)	Kí hiệu
1	Thương mại, dịch vụ	Thôn Tiên Đông (giáp Nhà máy nước sạch Tiên Phong về phía Bắc)	0,28	2,45	-
1.1	Kho bãi kinh doanh vật liệu xây dựng	-	0,14	0,14	CNK-1
1.2	Cơ sở kinh doanh đồ gỗ nội thất	-	0,08	0,08	CNK-2
1.3	Dài lý thuốc tân dược	-	0,06	0,06	CNK-3
1.4	Thương mại, dịch vụ	-	-	2,17	CNK-9
2	Thương mại, dịch vụ	Thôn Tiên Đông (giáp hành lang đi sông Luộc)	1,97	7,91	-
2.1	Cơ sở kinh doanh vật liệu xây dựng	-	0,54	0,54	CNK-5
2.2	Cơ sở kinh doanh vật liệu xây dựng	-	0,39	0,39	CNK-6
2.3	Cơ sở kinh doanh vật liệu xây dựng	-	0,45	0,45	CNK-7
2.4	Cơ sở kinh doanh vật liệu xây dựng	-	0,59	0,59	CNK-8
2.5	Thương mại, dịch vụ	-	-	0,72	CNK-10
2.6	Thương mại, dịch vụ	-	-	4,47	CNK-11
2.7	Thương mại, dịch vụ	-	-	0,75	CNK-12

Bảng 4: Quy hoạch khu thương mại, dịch vụ

Tổng diện tích đất thương mại, dịch vụ đến năm 2030 là 10,36ha. Quy hoạch mới 04 vị trí (CNK-9, CNK-10, CNK-11, CNK-12) tại thôn Tiên Đông, các điểm thương mại, dịch vụ khác giữ nguyên theo hiện trạng.

4.4. Khu vực phát triển thương mại, dịch vụ

2	Điểm công nghiệp (Cơ sở sản xuất cơ khí)	Thôn Tiên Đông	0,35	0,35	CN-2
	(Nhà máy nước sạch Tiên Phong)	Giáp sông Luộc	0,02	0,02	CN-3
		Tiên Đông			CN-1.1

4.5. Khu vực phát triển nông nghiệp

Khu vực phát triển nông nghiệp được phân bố đều tại 7 thôn, định hướng phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững, gắn với thị trường và phát triển ngành nghề. Tập trung cải thiện năng suất, kết hợp giữa kỹ thuật canh tác tiên tiến và đầu tư vào nông nghiệp chất lượng cao.

Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, phát triển các vùng nông nghiệp quy mô lớn, sản xuất theo chuỗi, phát triển cây trồng có giá trị cao; khuyến khích phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ. Phát triển chăn nuôi tập trung theo hướng trang trại, gia trại, thu hẹp chăn nuôi nhỏ lẻ.

5. Định hướng tổ chức không gian khu trung tâm xã, khu dân cư mới và cải tạo thôn

5.1. Định hướng tổ chức hệ thống trung tâm xã

- Tận dụng và chỉnh trang các công trình và hệ thống cơ sở hạ tầng hiện có, khai thác triệt để cảnh quan môi trường, địa hình, tránh san ủi nhiều gây xáo trộn lớn.

- Bố trí các công trình công cộng theo hướng tập trung tạo kết nối không gian phục vụ công cộng và là điểm nhấn không gian xã.

5.2. Định hướng tổ chức các khu dân cư mới

- Phát triển các điểm dân cư theo hướng tập trung, có điều kiện thuận lợi về hạ tầng, hạn chế phát triển các điểm dân cư nhỏ lẻ, phân tán.

- Phát triển các khu dân cư mới kết nối với các khu dân cư hiện có, đảm bảo nhu cầu phát triển về đất ở theo quy mô dân số.

5.3. Định hướng cải tạo các thôn cũ

- Giữ nguyên hệ thống 07 thôn hiện có trên địa bàn xã gồm: Quang Trung, Thống Nhất, Đoàn Kết, An Phong, Tiên Động, Mỹ Động 2, Mỹ Đồng.

- Các khu dân cư chủ yếu được giữ nguyên, bổ sung, nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

6. Định hướng tổ chức không gian xã

6.1. Định hướng tổ chức hệ thống công trình công cộng, dịch vụ

6.1.1. Công trình trụ sở cơ quan hành chính Nhà nước

- Giữ nguyên Trụ sở ĐU - HĐND - UBND xã (vị trí xã Diên Hồng cũ) và Bưu điện. Quy hoạch mở rộng Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã về phía Tây; Trạm Y tế xã về phía Đông.

- Điều chỉnh chức năng sử dụng đất Trạm Y tế (vị trí xã Diên Hồng cũ) thành đất an ninh để xây dựng trụ sở Công an xã.

Bảng 5: Quy hoạch công trình trụ sở cơ quan

STT	Mục đích sử dụng đất	Ký hiệu	Hiện trạng (ha)	Đến năm 2025 (ha)	Đến năm 2030 (ha)	Ghi chú
1	Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã	CQ-1 CQ-1.1	0,42	0,60	0,60	Mở rộng
		CQ-2	0,26	0,26	0,26	Giữ nguyên
2	Trụ sở Công an xã	AN-1	-	0,35	0,35	QH mới
3	Bưu điện xã	BĐ-1	0,03	0,03	0,03	Giữ nguyên
		BĐ-2	0,01	0,01	0,01	Giữ nguyên
4	Trạm Y tế	YT-1 YT-1.1	0,21	0,09	0,14	Mở rộng

6.1.2. Công trình văn hóa

- Giữ nguyên Nhà văn hóa trung tâm nằm trong khuôn viên Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã.

- Giữ nguyên Nhà văn hoá các thôn: Thống Nhất, An Phong, My Động 2, My Đồng; quy hoạch mới Nhà văn hóa các thôn: Đoàn Kết, Quang Trung; điều chỉnh chức năng sử dụng đất Chợ Trại thành đất Nhà văn hóa thôn Tiên Động; điều chỉnh chức năng sử dụng đất Nhà văn hóa các thôn: Tiên Động (CC-1), My Đồng (CC-2) Quang Trung (CC-3), Đoàn Kết (CC-4) thành đất công cộng.

- Giữ nguyên sân thể thao trung tâm xã, sân thể thao thôn Thống Nhất; quy hoạch mới sân thể thao các thôn: Đoàn Kết, Quang Trung và quy hoạch mở rộng sân thể thao thôn An Phong và My Đồng. Thôn Tiên Động, My Động 2 định hướng sử dụng chung sân thể thao trung tâm xã.

Đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất cho nhà văn hóa các thôn và dụng cụ, thiết bị thể dục thể thao cho sân thể thao; nâng cấp, cải tạo công trình phụ trợ, khuôn viên nhà văn hóa thôn.

Bảng 6: Quy hoạch các công trình văn hóa

STT	Mục đích sử dụng đất	Ký hiệu	Hiện trạng (ha)	Đến năm 2025 (ha)	Đến năm 2030 (ha)	Ghi chú
I	CẤP XÃ					
1	Sân thể thao trung tâm xã	DTT-2	0,83	0,83	0,83	Giữ nguyên
II	CẤP THÔN					
1	Thôn Đoàn Kết					
	Nhà văn hóa	VH-7	0,03	0,08	0,08	QH mới

	Sân thể thao	DTT-6	-	-	0,20	QH mới
2	Thôn Thống Nhất					
	Nhà văn hóa	VH-6	0,07	0,07	0,07	Giữ nguyên
	Sân thể thao	DTT-5	1,18	1,18	1,18	Giữ nguyên
3	Thôn Quang Trung					
	Nhà văn hóa	VH-5	0,03	0,03	0,07	QH mới
	Sân thể thao	DTT-4	-	-	0,20	QH mới
4	Thôn An Phong					
	Nhà văn hóa	VH-1	0,05	0,05	0,05	Giữ nguyên
	Sân thể thao	DTT-1 DTT-1.1	0,11	0,11	0,20	Mở rộng
5	Thôn Tiên Động					
	Nhà văn hóa	VH-2	0,01	0,01	0,09	QH mới
6	Thôn My Động 2					
	Nhà văn hóa	VH-3	0,05	0,05	0,05	Giữ nguyên
7	Thôn My Đồng					
	Nhà văn hóa	VH-4	0,15	0,10	0,10	Chuyển đổi 1 vị trí
	Sân thể thao	DTT-3 DTT-3.1	0,12	0,12	0,22	Mở rộng

6.1.3. Công trình giáo dục

Giữ nguyên các Trường Mầm non, Trường Tiểu học, Trường THCS về quy mô diện tích, vị trí; chuyển đổi chức năng sử dụng đất điểm trường mầm non tại thôn My Động 2 thành đất công cộng.

Bảng 7: Quy hoạch công trình giáo dục

STT	Mục đích sử dụng đất	Ký hiệu	Hiện trạng (ha)	Đến năm 2025 (ha)	Đến năm 2030 (ha)	Ghi chú
1	Trường Mầm non	GD-3.1	0,61	0,61	0,61	Giữ nguyên
		GD-3.2	0,38	0,38	0,38	
		-	0,06	-	-	
2	Trường Tiểu học	GD-2.1	0,62	0,62	0,62	Giữ nguyên
		GD-2.2	0,56	0,56	0,56	
3	Trường THCS	GD-1.1	0,66	0,66	0,66	Giữ nguyên
		GD-1.2	0,72	0,72	0,72	

6.1.4. Công trình tôn giáo, tín ngưỡng

Quy hoạch mở rộng chùa Động Trạch về phía Nam, chùa Nhiếp Xá về phía Bắc; các công trình tôn giáo, tín ngưỡng còn lại giữ nguyên theo hiện trạng.

Bảng 8: Quy hoạch công trình tôn giáo, tín ngưỡng

STT	Mục đích sử dụng đất	Ký hiệu	Hiện trạng (ha)	Đến năm 2025 (ha)	Đến năm 2030 (ha)	Ghi chú
1	Đền Bà Chúa	TG-1	0,16	0,16	0,16	Giữ nguyên
2	Miếu	TG-2	0,01	0,01	0,01	Giữ nguyên
3	Miếu	TG-3	0,01	0,01	0,01	Giữ nguyên
4	Chùa Trại	TG-4	0,33	0,33	0,33	Giữ nguyên
5	Chùa An Phong	TG-5	0,09	0,09	0,09	Giữ nguyên
6	Miếu Vua Giậm	TG-6	0,05	0,05	0,05	Giữ nguyên
7	Chùa Roi	TG-7	0,05	0,05	0,05	Giữ nguyên
8	Chùa Động Trạch	TG-8 TG-8.1	0,31	0,63	0,63	Mở rộng
9	Miếu Bà	TG-9	0,04	0,04	0,04	Giữ nguyên
10	Chùa Nhiếp Xá	TG-10 TG-10.1	0,14	0,34	0,34	Mở rộng
11	Nhà thờ Đồng Châm	TG-11	0,17	0,17	0,17	Giữ nguyên

6.1.5. Công trình công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp

Tổng diện tích đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đến năm 2030 là 1,71ha, trong đó quy hoạch mở rộng 01 vị trí về phía Tây, điểm công nghiệp còn lại giữ nguyên hiện trạng.

Bảng 9: Quy hoạch khu vực phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp

STT	Mục đích sử dụng đất	Kí hiệu	Hiện trạng (ha)	Đến năm 2025 (ha)	Đến năm 2030 (ha)	Ghi chú
1	Điểm công nghiệp (Nhà máy nước sạch Tiên Phong)	CN-1 CN-1.1	0,57	1,34	1,34	Mở rộng
		CN-3	0,02	0,02	0,02	Giữ nguyên
2	Điểm công nghiệp (Cơ sở sản xuất cơ khí)	CN-2	0,35	0,35	0,35	Giữ nguyên

6.1.6. Công trình thương mại, dịch vụ

Tổng diện tích đất thương mại, dịch vụ đến năm 2030 là 10,36ha; quy hoạch mới 04 vị trí tại thôn Tiên Động (CNK-9, CNK-10, CNK-11, CNK-12), các điểm thương mại, dịch vụ còn lại giữ nguyên theo hiện trạng.

Bảng 10: Quy hoạch khu thương mại, dịch vụ

STT	Mục đích sử dụng đất	Kí hiệu	Hiện trạng (ha)	Đến năm 2025 (ha)	Đến năm 2030 (ha)	Ghi chú
1	Thương mại, dịch vụ	-	0,28	0,28	2,45	-
1.1	Kho bãi kinh doanh vật liệu xây dựng	CNK-1	0,14	0,14	0,14	Giữ nguyên
1.2	Cơ sở kinh doanh đồ gỗ nội thất	CNK-2	0,08	0,08	0,08	Giữ nguyên
1.3	Đại lý thuốc tân dược	CNK-3	0,06	0,06	0,06	Giữ nguyên
1.4	Thương mại, dịch vụ	CNK-9	-	-	2,17	QH mới
2	Thương mại, dịch vụ	-	1,97	1,97	7,91	-
2.1	Cơ sở kinh doanh vật liệu xây dựng	CNK-5	0,54	0,54	0,54	Giữ nguyên
2.2	Cơ sở kinh doanh vật liệu xây dựng	CNK-6	0,39	0,39	0,39	Giữ nguyên
2.3	Cơ sở kinh doanh vật liệu xây dựng	CNK-7	0,45	0,45	0,45	Giữ nguyên
2.4	Cơ sở kinh doanh vật liệu xây dựng	CNK-8	0,59	0,59	0,59	Giữ nguyên
2.5	Thương mại, dịch vụ	CNK-10	-	-	0,72	QH mới
2.6	Thương mại, dịch vụ	CNK-11	-	-	4,47	QH mới
2.7	Thương mại, dịch vụ	CNK-12	-	-	0,75	QH mới

6.2. Định hướng tổ chức không gian quy hoạch kiến trúc khu dân cư mới và các thôn cũ

6.2.1. Đối với khu dân cư hiện trạng

Đầu tư chỉnh trang, cải tạo hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu dân cư hiện hữu, tránh chia tách thửa thành các thửa đất nhỏ. Tổ chức dạng nhà ở thấp tầng, có sân vườn. Kiến trúc hiện đại kết hợp truyền thống.

Xử lý đất dôi dư từ năm 2016 đến năm 2023 là 0,517ha; đất dôi dư từ năm 2023 đến năm 2030 là 0,3396ha; đất xin chuyển mục đích đất vườn, ao trong giấy chứng nhận sang làm đất ở là 2,4081ha; đất cấp trái thẩm quyền là 1,2778ha.

6.2.2. Đối với khu dân cư mới

Quy hoạch hạ tầng đồng bộ, khớp nối với hệ thống hạ tầng hiện có. Tổ chức dạng nhà ở thấp tầng, có sân vườn. Kiến trúc hiện đại kết hợp truyền thống.

6.3. Định hướng tổ chức các khu vực sản xuất, dịch vụ

6.3.1. Quy hoạch sản xuất nông nghiệp

- Trồng trọt: Vùng trồng lúa, cây rau màu phát triển theo hướng tập trung, ứng dụng công nghệ cao, sản xuất nông nghiệp sạch.

- Chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản: Chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản phát triển theo hướng tập trung, ứng dụng công nghệ cao, sản xuất nông nghiệp sạch.

6.3.2. Định hướng tổ chức các khu vực thương mại, dịch vụ

Khu thương mại, dịch vụ tập trung khai thác tối đa lợi thế thương mại tại khu vực có giao thông đường thủy thuận lợi, đảm bảo phù hợp với định hướng chung.

6.3.3. Định hướng tổ chức các khu vực sản xuất công nghiệp tập trung

Duy trì các điểm công nghiệp hiện có; ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất gắn với việc bảo vệ môi trường.

7. Quy hoạch sử dụng đất

Bảng 11: Cơ cấu quy hoạch sử dụng đất

TT	HẠNG MỤC	Hiện trạng	Tăng/ giảm	Quy hoạch đến năm 2025		Tăng/ giảm	Quy hoạch đến năm 2030	
				Diện tích	Tỷ lệ		Diện tích	Tỷ lệ
		(ha)	(ha)	(ha)	(%)	(ha)	(ha)	(ha)
	Tổng diện tích tự nhiên	666,96	0,00	666,96	100	0,00	666,96	100
I	Đất nông nghiệp	406,43	-8,26	398,17	59,70	-15,38	382,79	57,39
1	Đất sản xuất nông nghiệp	373,09	-8,26	364,83	54,70	-15,38	349,45	52,39
2	Đất nuôi trồng thủy sản	33,31	0,00	33,31	4,99	0,00	33,31	4,99
3	Đất nông nghiệp khác	0,03	0,00	0,03	0,00	0,00	0,03	0,00
II	Đất xây dựng	176,64	8,26	184,90	27,72	15,38	200,28	30,03
1	Đất ở	61,89	4,35	66,24	18,00	0,00	66,24	9,93
2	Đất công cộng	5,73	-0,02	5,71	0,86	0,27	5,98	0,90
2.1	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	0,68	0,18	0,86	0,13	0,00	0,86	0,13
2.2	Đất xây dựng trụ sở tổ chức sự nghiệp	0,13	0,00	0,13	0,02	0,00	0,13	0,02
2.3	Đất cơ sở y tế	0,21	-0,12	0,09	0,01	0,05	0,14	0,02
2.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	3,58	-0,06	3,52	0,53	0,00	3,52	0,53
2.5	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	0,40	0,00	0,40	0,06	0,11	0,51	0,08
2.6	Đất chợ	0,66	-0,09	0,57	0,09	0,00	0,57	0,09
2.7	Đất truyền dẫn Năng lượng, viễn thông	0,07	0,00	0,07	0,01	0,00	0,07	0,01
2.8	Đất mục đích công cộng khác	0,00	0,07	0,07	0,01	0,11	0,18	0,03
3	Đất cây xanh, thể dục, thể thao	2,39	0,00	2,39	0,36	0,59	2,98	0,45

4	Đất tôn giáo, danh lam thắng cảnh, di tích, đình đền	1,49	0,32	1,81	0,27	0,20	2,01	0,30
5	Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề	0,94	0,77	1,71	0,26	0,00	1,71	0,26
6	Đất xây dựng các chức năng khác	2,25	0,00	2,25	0,34	8,11	10,36	1,55
7	Đất hạ tầng kỹ thuật	63,04	3,29	66,33	9,95	7,15	73,48	11,02
7.1	Đất giao thông	52,68	2,90	55,58	8,33	4,50	60,08	9,01
7.2	Đất bãi thải xử lý chất thải	0,76	0,18	0,94	0,14	0,94	1,88	0,28
7.3	Đất nghĩa trang nghĩa địa	8,34	0,21	8,55	1,28	1,71	10,26	1,54
7.4	Đất hạ tầng kỹ thuật khác	1,26	0,00	1,26	0,19	0,00	1,26	0,19
8	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất	38,91	-0,80	38,11	5,71	-0,94	37,17	5,57
9	Đất quốc phòng, an ninh	0,00	0,35	0,35	0,05	0,00	0,35	0,05
III	Đất Khác	83,89	0,00	83,89	12,58	0,00	83,89	12,58
1	Đất sông ngòi, kênh, rạch, suối, & mặt nước chuyên dùng	83,89	0,00	83,89	12,58	0,00	83,89	12,58

Tổng diện tích quy hoạch đến năm 2030: 666,96ha, trong đó:

- Đất nông nghiệp: 382,79ha, chiếm 57,39%.
- Đất xây dựng: 200,28ha, chiếm 30,03%.
- Đất khác: 83,89ha, chiếm 12,58%.

8. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

8.1. Hệ thống giao thông

Cập nhật các tuyến giao thông đối ngoại theo đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thanh Miện đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Tổ chức mạng lưới giao thông nội bộ trên cơ sở kế thừa và phát triển mạng lưới giao thông hiện có. Mở thêm các tuyến đường mới tại các khu vực hình thành dự án, đảm bảo quy định của ngành giao thông về khoảng cách kết nối với đường tỉnh, đường huyện. Duy tu, cải tạo nâng cấp các tuyến đường xuống cấp do xã quản lý, đảm bảo 100% các tuyến đường được nhựa hóa hoặc bê tông hóa.

8.1.1. Giao thông đối ngoại:

- Đường tỉnh 392B: Quy mô đường cấp III.

Mặt cắt (1-1): $16,5\text{m} + 12\text{m} + 16,5\text{m} = 45\text{m}$.

- Đường huyện Cao Thắng - Tiền Phong; Tiền Phong - Thanh Giang (theo Quy hoạch vùng huyện): Quy mô đường cấp IV.

Mặt cắt (2-2): $11,5\text{m} + 9,0\text{m} + 11,5\text{m} = 32,0\text{m}$.

- Đường Bờ tả Sông Luộc:

Mặt cắt (3-3): $11\text{m} + 7,5\text{m} + 11\text{m} + (1+5)\text{m} + 7,5\text{m} + 5\text{m}$.

8.1.2. Giao thông đối nội

Đường trục xã có phần đường xe chạy $\geq 7,5\text{m}$; đường trục thôn, xóm và đường chính nội đồng có phần đường xe chạy $\geq 5,5\text{m}$. Quy mô các đường giao thông chính như sau:

- Mặt cắt (4-4): $3,0\text{m} + 7,5\text{m} + 3,0\text{m} + \text{sông } (5 \div 12\text{m})\text{m} + 3\text{m} + 7,5\text{m} + 3\text{m}$.
- Mặt cắt (5-5): $5,0\text{m} + 7,5\text{m} + 5,0\text{m} = 17,5\text{m}$.
- Mặt cắt (6-6): $3,0\text{m} + 5,5\text{m} + 3,0\text{m} = 11,5\text{m}$.
- Mặt cắt (7-7): $(1 \div 3,0)\text{m} + 5,5\text{m} + (1 \div 3)\text{m} = (7,5 - 11,5)\text{m}$.
- Đường nội đồng: Mặt cắt (8-8): Nền đường rộng $5,5\text{m}$.

8.2. Hệ thống cấp nước

- Nguồn cấp nước: Từ Nhà máy nước Tiên Phong.
- Mạng lưới cấp nước: Nước sạch từ Nhà máy nước Tiên Phong sẽ được đưa theo các đường ống chính, dọc ĐT392B, đường huyện Cao Thắng - Tiên Phong, đường trục xã, trục thôn. Các đường ống nhánh nối với đường ống chính theo đường ngõ, xóm đến từng hộ gia đình; các trụ chữa cháy bố trí dọc trên các tuyến ống nhằm đảm bảo cấp nước chữa cháy.

Loại đường ống sử dụng HDPE với đường kính từ D40 đến D110, đảm bảo tính đàn hồi, chịu áp lực cao, chống va đập và dễ thi công, lắp đặt.

8.3. Hệ thống thủy lợi, thoát nước mặt

8.3.1. Thủy lợi

- Thường xuyên nạo vét, khơi thông dòng chảy các tuyến kênh cấp I, cấp II, cấp III; kiên cố các tuyến kênh chính đáp ứng thông số kỹ thuật tại Quy chuẩn Quốc gia công trình thủy lợi - các quy định chủ yếu thiết kế. Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 4118:2012 công trình thủy lợi - hệ thống tưới tiêu - yêu cầu thiết kế... và các quy chuẩn, tiêu chuẩn khác quy định về hệ thống thủy lợi.
- Giữ nguyên vị trí 04 trạm bơm tưới hiện có. Nâng cấp, tu sửa định kỳ đảm bảo kịp thời cung cấp nước cho sản xuất nông nghiệp.

8.3.2. Thoát nước mặt

- Xây dựng hệ thống thoát: Hệ thống thoát nước mưa theo phương pháp tự chảy bằng hệ thống mương hở, mương kín và -nắp đan.
- Hướng thoát nước chia làm 3 lưu vực chính, gồm:
 - + Lưu vực 1: Dọc ĐT392B giao cắt với đường đê tả sông Luộc, thôn An Phong, My Động 2, khu vực này thu nước bởi kênh dẫn Trạm bơm My Động, thoát về phía Nam sau đó ra sông Cừ An, sông Luộc qua trạm bơm My Động.
 - + Lưu vực 2: Khu vực các thôn Đoàn Kết, Thống Nhất, Quang Trung, thoát ra hệ thống ao, hồ và kênh dẫn hiện có thoát dần xuống phía Tây Nam, theo kênh dẫn trạm bơm My Động nằm dọc trục đường huyện Cao Thắng - Tiên Phong, hướng thoát về phía Nam sau đó ra sông Cừ An, sông Luộc qua trạm bơm My Động.

+ Lưu vực 3: Khu vực các thôn Quang Trung, Tiên Động, My Động nằm dọc sông Cửu An và sông Luộc, hướng thoát vào các ao, hồ hiện có và thoát ra sông Cửu An và sông Luộc.

- Hệ thống cống thoát nước mưa được bố trí tại những trục đường quy hoạch mới, các vị trí tụ thủy, xây dựng mới, nâng cấp toàn bộ rãnh thoát nước ở các trục đường thôn, xóm, đảm bảo thu nước nhanh chóng và triệt để, tránh ú đọng, ngập lụt.

- Tăng cường công tác duy tu, nạo vét định kỳ hệ thống thoát nước mưa.

8.4. Hệ thống cấp điện

- Tính toán nhu cầu phụ tải đến năm 2030 đảm bảo theo nhu cầu sử dụng. Nguồn điện cấp cho xã Hồng Phong được lấy từ lộ 370E8.7 từ Ninh Giang. Tính toán nâng công suất các trạm biến áp hiện có để đảm bảo nhu cầu cấp điện cho toàn xã.

- Các dự án sản xuất kinh doanh thì tùy theo nhu cầu điện thực tế sẽ lắp TBA có công suất phù hợp.

- Đường dây trung thế: Tuyến đường dây 22kV hiện có di chuyển chạy dọc các tuyến giao thông.

- Đường dây hạ thế: Sử dụng mạng lưới đường dây 0,4kV cung cấp điện chiếu sáng giao thông và điện sinh hoạt bằng hệ thống đường dây đi trên cột li tâm đối với tuyến đường không có vỉa hè, các tuyến đường xây dựng mới quy hoạch đi ngầm đặt trên vỉa hè của các tuyến giao thông. Đối với đường dây hiện trạng, quy hoạch cải tạo, nâng cấp đường dây phục vụ nhu cầu sử dụng điện thường xuyên.

Bảng 12: Quy hoạch trạm biến áp đến năm 2030

STT	Mục đích sử dụng đất	Đơn vị	Quy hoạch		Ghi chú
			Công suất hiện trạng	Công suất đến năm 2030	
1	TBA Quang Trung	kVA	180	180	Giữ nguyên
2	TBA Thống Nhất	kVA	180	180	Giữ nguyên
3	TBA Xóm Thượng	kVA	400	400	Giữ nguyên
4	TBA Diên Hồng 2	kVA	180	180	Giữ nguyên
5	TBA An Phong	kVA	560	560	Giữ nguyên
6	TBA An Phong 1	kVA	400	400	Giữ nguyên
7	TBA Tiên Động	kVA	320	320	Giữ nguyên
8	TBA TĐC Tiên Phong	kVA	250	250	Giữ nguyên
9	TBA My Động 1	kVA	400	400	Giữ nguyên

10	TBA My Động 2	kVA	400	400	Giữ nguyên
11	TBA Tiền Phong	kVA	320	320	Giữ nguyên
12	TBA My Động T1+T2+T3	kVA	3.000	3.000	Giữ nguyên
13	TBA Bơm My Động	kVA	50	50	Giữ nguyên
14	TBA Đồng Chấn	kVA	100	100	Giữ nguyên
15	TBA Nhà máy nước 1	kVA	320	320	Giữ nguyên
16	TBA Nhà máy nước 2	kVA	320	320	Giữ nguyên
17	TBA Diên Hồng 1	kVA	320	320	Giữ nguyên
18	TBA N.01	kVA	-	750	QH mới
19	TBA N.02	kVA	-	750	QH mới
20	TBA N.03	kVA	-	750	QH mới

8.5. Định hướng thoát nước thải và vệ sinh môi trường

8.5.1. Thoát nước thải

- Thoát nước thải sinh hoạt: Xây dựng hệ thống cống thoát nước thải riêng hoàn toàn với hệ thống thoát nước mặt. Hệ thống thoát nước thải bao gồm mạng lưới cống, đường ống thu gom và chuyển tải nước thải. Toàn bộ nước thải sinh hoạt sau khi xử lý cục bộ tại hộ gia đình được thoát ra hệ thống cống bê tông kín rồi đổ về trạm xử lý nước thải đặt tại xã Thanh Giang (theo Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thanh Miện).

- Thoát nước thải sản xuất: Đối với các hộ gia đình chăn nuôi tập trung, sẽ xử lý phân gia súc và nước rửa chuồng trại bằng các bể Biogas để tạo khí đốt phục vụ sinh hoạt cũng như bảo đảm vệ sinh môi trường khu dân cư.

Nước thải tại các cơ sở công nghiệp phải được xử lý đảm bảo theo quy định trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước chung.

8.5.2. Xử lý chất thải rắn

Thực hiện Đề án xử lý chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường trên địa bàn huyện Thanh Miện giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

- Khuyến khích, hướng dẫn Nhân dân phân loại chất thải rắn ngay tại nguồn thành 2 loại vô cơ và hữu cơ. Đối với chất thải rắn hữu cơ, các hộ gia đình tận dụng một phần cho chăn nuôi gia súc, phần còn lại sẽ ủ, tạo thành phân vi sinh phục vụ nông nghiệp.

- Chất thải rắn được tổ thu gom rác thực hiện thu gom, phân loại và vận chuyển xử lý đảm bảo theo quy định.

Bảng 13: Quy hoạch Bãi rác đến năm 2030

STT	Mục đích sử dụng đất	Kí hiệu	Hiện trạng (ha)	Đến năm 2025 (ha)	Đến năm 2030 (ha)	Ghi chú
1	Bãi rác tập trung thôn My Đồng	BR-1 BR-1.1	0,12	0,12	0,30	Mở rộng
2	Bãi rác tập trung thôn Quang Trung	BR-2	0,25	0,25	0,25	Giữ nguyên
		BR-3	0,39	0,39	0,39	
3	Bãi rác tập trung thôn An Phong	BR-4	-	-	0,37	QH mới
4	Bãi rác tập trung thôn Đoàn Kết	BR-5	-	-	0,57	QH mới

8.5.3. Nghĩa trang

- Nghĩa trang liệt sỹ: Giữ nguyên vị trí, quy mô; cải tạo, chỉnh trang khuôn viên tổng thể.

- Nghĩa trang nhân dân: Định hướng mở rộng các điểm nghĩa trang nhân dân các thôn: An Phong, Tiên Động, Đoàn Kết, Thống Nhất, Quang Trung, My Động 2, My Đồng, các nghĩa trang còn lại giữ nguyên hiện trạng. Nghĩa địa nhỏ lẻ hiện có, mô mã cũ giữ lại cải tạo, nâng cấp, chỉnh trang đảm bảo các yêu cầu về môi trường và mỹ quan. Các khu vực nghĩa trang được cải tạo chỉnh trang khuôn viên, đường giao thông, thoát nước, cây xanh cách ly theo đúng quy định.

Bảng 14: Quy hoạch nghĩa trang đến năm 2030

STT	Mục đích sử dụng đất	Kí hiệu	Hiện trạng (ha)	Đến năm 2025 (ha)	Đến năm 2030 (ha)	Ghi chú
I	Nghĩa trang liệt sỹ	NT-18	0,22	0,22	0,22	Giữ nguyên
		NT-19	0,13	0,13	0,13	
II	Nghĩa trang nhân dân					
1	NT thôn An Phong	NT-1 NT-1.1	0,37	0,37	0,74	Mở rộng
		NT-20	0,03	0,03	0,03	Giữ nguyên
		NT-21	0,05	0,05	0,05	
2	NT thôn Tiên Động	NT-17 NT-17.1	0,12	0,12	0,22	Mở rộng
		NT-3 NT-3.1	2,11	2,11	2,54	
		NT-2	0,30	0,30	0,30	Giữ nguyên
3	NT thôn Đoàn Kết	NT-14 NT-14.1	0,27	0,27	0,38	Mở rộng
		NT-15	0,21	0,21	0,21	

		NT-16	0,08	0,08	0,08	Giữ nguyên
4	NT thôn Thống Nhất	NT-11	0,19	0,19	0,19	Giữ nguyên
		NT-12	0,04	0,04	0,04	
		NT-13	0,04	0,04	0,04	
		NT-10 NT-10.1	0,28	0,28	0,51	Mở rộng
5	NT thôn Quang Trung	NT-9 NT-9.1	0,18	0,39	0,39	Mở rộng
		NT-8	0,23	0,23	0,23	Giữ nguyên
		NT-6	0,09	0,09	0,09	
		NT-7	0,03	0,03	0,03	
6	NT thôn My Động 2	NT-4 NT-4.1	0,60	0,60	0,80	Mở rộng
7	NT thôn My Đồng	NT-5 NT-5.1	0,55	0,55	0,82	Mở rộng
		NT-22	0,13	0,13	0,13	Giữ nguyên

(chi tiết nội dung theo hồ sơ đồ án quy hoạch kèm theo)

9. Quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch

Nội dung chi tiết theo Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Hồng Phong đến năm 2030 do Trung tâm Quy hoạch Đô thị và Nông thôn lập, phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định kèm theo.

10. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư và nguồn vốn

10.1. Các dự án, công trình ưu tiên đầu tư

- Lập quy hoạch chi tiết xây dựng các điểm dân cư nông thôn, đầu tư hệ thống hạ tầng kinh tế, hạ tầng xã hội đồng bộ, tạo nguồn lực để đầu tư các dự án trọng điểm khác; lập quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn.

- Nâng cấp, mở rộng hệ thống giao thông trục chính, đầu tư hệ thống rãnh thoát nước, điện chiếu sáng; xây dựng, cải tạo kiên cố hóa hệ thống kênh mương nội đồng; xây dựng hệ thống thoát nước thải, thoát nước mặt theo hướng đồng bộ.

- Nâng cấp các trạm biến áp hiện có.

- Đầu tư trang thiết bị cho các nhà văn hóa thôn, sân thể thao, trạm y tế, trường học,...

10.2. Nguồn vốn: Từ nguồn ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn hỗ trợ hợp pháp khác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện**1. UBND xã Hồng Phong**

- Chịu trách nhiệm quản lý toàn diện các hoạt động quy hoạch xây dựng trên địa bàn; tổ chức công bố, công khai quy hoạch được duyệt theo quy định; tổ chức lập kế hoạch thực hiện quy hoạch; cung cấp thông tin về quy hoạch cho các tổ chức, cá nhân theo thẩm quyền; rà soát, đánh giá, đề xuất thu hồi, hủy bỏ các quy hoạch không còn phù hợp; đề xuất lập mới, điều chỉnh quy hoạch chi tiết trên địa bàn để cụ thể hóa Quy hoạch chung xây dựng xã và làm cơ sở triển khai các dự án đầu tư; đề xuất cụ thể dự án, công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội ưu tiên đầu tư với huyện.

- Tổ chức đưa mốc giới quy hoạch ra ngoài thực địa và quản lý theo quy định.

- Trong quá trình triển khai quy hoạch nếu có bất cập, chồng chéo với các quy hoạch cấp trên, không phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội, kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền điều chỉnh quy hoạch cho phù hợp theo quy định.

2. Các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Nông nghiệp và PTNT, Văn hóa và Thông tin, Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện chức năng quản lý Nhà nước theo ngành, lĩnh vực được giao.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Nông nghiệp và PTNT, Văn hóa và Thông tin, Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch UBND xã Hồng Phong và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s/

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT. UBND huyện;
- Lưu: VT, KTH (12b) /s/

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thế Tài